ỦY BAN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
XÃ CHÂU THỚI	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 204a/BC-UBND	*Châu Thới, ngày 12 tháng 4 năm 2026*

THUYẾT MINH BÁO CÁO
Tình hình thực hiện dự toán NSNN 03 tháng đầu năm và nhiệm vụ, phương hướng thu chi NSNN 9 tháng cuối năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 02063/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Cà Mau về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Châu Thới về việc thông qua Phương án phân bổ ngân sách Nhà nước năm 2026 xã Châu Thới;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Châu Thới về việc thông qua dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026 xã Châu Thới;

Ủy ban nhân dân xã Châu Thới báo cáo HĐND xã Châu Thới tình hình thu, chi ngân sách Nhà nước 03 tháng đầu năm và nhiệm vụ, phương hướng 09 tháng cuối năm 2026 những nội dung như sau:

1. Thu ngân sách 03 tháng đầu năm: 67.811.113.340 đồng

1.1 Thu theo chỉ tiêu Nghị quyết: 47.026.113.340/150.698.000.000 đồng đạt 31,21%

* Thu ngân sách trên địa bàn: 1.100.000.000 đồng

- Thu ngân sách Trung ương: 360.000.000 đồng

+ Thu phí, lệ phí: 220.000.000 đồng

+ Thu khác ngân sách: 140.000.000 đồng

- Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp: 162.113.340/740.000.000 đồng đạt 21,91%

Trong đó:

+ Lệ phí trước bạ: 118.701.366 /510.000.000 đồng đạt 23,27%

+ Thu phí, lệ phí: 31.856.000/80.000.000 đồng đạt 39,82%

+ Thu khác ngân sách:11.079.249/140.000.000 đồng đạt 7,91%

+Các khoản thu về nhà đất: 476.725/10.000.000 đồng đạt 4,77%

* Thu BS cân đối NS cấp trên: 46.864.000.000/149.958.000.000 đồng đạt 31,25%

1.2 Thu khác ngoài chỉ tiêu Nghị quyết: 20.785.000.000 đồng

- Thu bổ sung mục tiêu: 20.385.000.000 đồng
- Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 400.000.000 đồng

2. Chi ngân sách 03 tháng đầu năm: 110.473.253.748 đồng.

2.1 Chi đầu tư phát triển: 9.532.492.699/25.000.000.000 đồng đạt 38,13%

+ Chi giáo dục – đào tạo và dạy nghề: 4.060.806.657 đồng
+ Chi văn hóa thông tin: 735.049.785 đồng
+ Chi các hoạt động kinh tế: 4.736.636.257 đồng

2.2 Chi thường xuyên: 44.251.345.605/146.483.000.000 đồng đạt 30,21% ***(bao gồm bổ sung mục tiêu)***

+ Chi sự nghiệp kinh tế: 1.481.371.119 đồng
+ Chi sự nghiệp môi trường: 0 đồng
+ Chi giáo dục – đào tạo và dạy nghề: 16.435.484.993 đồng
+ Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 1.693.858.498 đồng
+ Chi khoa học và công nghệ: 17.320.000 đồng
+ Chi văn hóa thông tin: 567.270.427 đồng
+ Chi thể dục thể thao: 36.905.740 đồng
+ Chi sự nghiệp truyền thanh: 18.880.320 đồng
+ Chi đảm bảo xã hội: 13.682.253.700 đồng
+ Chi Quốc phòng: 734.874.577 đồng
+ Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội: 646.840.000 đồng
+ Chi hoạt động quản lý nhà nước: 8.671.577.133 đồng
+ Chi khác: 264.709.098 đồng

2.3 Chi nộp ngân sách cấp trên: 0 đồng.

2.4 Dự phòng ngân sách: 0 đồng.

(Chi tiết các mẫu 113,114,115 kèm theo)

3. Nhiệm vụ và phương hướng thu chi NSNN 09 tháng cuối năm 2026

3.1 Thu NSNN:

Thu ngân sách trên địa bàn đạt 21,91% dự toán năm, trong đó thu phí, lệ phí đạt khá; tuy nhiên các khoản thu khác ngân sách và thu từ nhà, đất còn đạt thấp, cần tập trung khai thác trong 09 tháng cuối năm để hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết HĐND giao.

- Thu bổ sung cân đối ngân sách từ cấp trên còn lại 09 tháng cuối năm 103.094.000.000 đồng tương đương 68,75% so với tổng dự toán giao đầu năm, đảm bảo cân đối chi lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương và hoạt động thường xuyên của đơn vị.

Nguồn thu chủ yếu của xã từ thu phí, lệ phí và khác ngân sách đảm bảo đạt theo chỉ tiêu Nghị quyết giao đầu năm đề ra.

3.2 Chi NSNN:

- Chi đầu tư phát triển:	**15.467.507.301 đồng.**
+ Chi giáo dục – đào tạo và dạy nghề:	3.945.193.343 đồng
+ Chi văn hóa thông tin:	1.613.950.215 đồng
+ Chi các hoạt động kinh tế:	9.908.363.743 đồng
- Chi thường xuyên:	**49.388.094.707 đồng**
+ Chi sự nghiệp kinh tế:	4.363.628.881 đồng
+ Chi sự nghiệp môi trường:	150.000.000 đồng
+ Chi giáo dục – đào tạo và dạy nghề:	55.969.515.007 đồng
+ Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:	686.141.502 đồng
+ Chi khoa học và công nghệ:	348.680.000 đồng
+ Chi văn hóa thông tin:	595.729.573 đồng
+ Chi thể dục thể thao:	63.094.260 đồng
+ Chi sự nghiệp truyền thanh:	81.119.680 đồng
+ Chi đảm bảo xã hội:	0 đồng
+ Chi Quốc phòng:	1.923.125.423 đồng
+ Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội:	1.238.160.000 đồng
+ Chi hoạt động quản lý nhà nước:	17.842.422.867 đồng
+ Chi khác:	1.421.290.902 đồng
- Dự phòng ngân sách:	**2.486.000.000 đồng**

4. Đánh giá thu chi ngân sách:

Thu ngân sách trên địa bàn đạt 21,91% dự toán năm, trong đó thu phí, lệ phí đạt khá; tuy nhiên các khoản thu khác ngân sách và thu từ nhà, đất còn đạt thấp, cần tập trung khai thác trong 09 tháng cuối năm để hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết HĐND giao. Một số khoản thu không đạt dự toán do thực hiện Nghị quyết số 13 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, theo đó một số khoản thu được bãi bỏ hoặc điều chỉnh theo quy định mới, làm giảm nguồn thu ngân sách địa phương so với dự toán đã được giao đầu năm.

Thu bổ sung cân đối ngân sách vượt so với chỉ tiêu. Nguyên nhân do thực hiện một số nhiệm vụ như: duy tu sửa chữa đường giao thông nông thôn, mua sắm sửa chữa thiết bị văn phòng, vật tư văn phòng, phòng làm việc,.... Tuy nhiên, số vượt trên không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ thu 09 tháng cuối năm còn lại.

Thu bổ sung mục tiêu đảm bảo chi đúng các nội dung được bổ sung giao nhiệm vụ chi.

Trong 3 tháng đầu năm 2026, một số lĩnh vực phát sinh số chi vượt so với dự toán được giao. Nguyên nhân chủ yếu là tại thời điểm giao dự toán ngân sách, một số nhiệm

vụ chi chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể hoặc chưa có quy định chi tiết về đối tượng, nội dung, mức chi và cơ chế thực hiện, nên chưa đủ điều kiện để Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền giao dự toán cho địa phương.

Mặc dù chưa được bố trí dự toán, nhưng đây là các nhiệm vụ chi cần thiết, phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, như nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo đảm an sinh xã hội và các nhiệm vụ theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Để bảo đảm hoạt động thường xuyên của bộ máy nhà nước và thực hiện kịp thời các nhiệm vụ được giao, địa phương đã chủ động sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp theo quy định để thực hiện. Do đó, khi so sánh với dự toán đầu năm, một số lĩnh vực có số thực hiện vượt dự toán được giao.

Địa phương sẽ tiếp tục quản lý, sử dụng ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, đúng chế độ, đồng thời kiến nghị cấp có thẩm quyền sớm giao bổ sung dự toán đối với các nhiệm vụ chi chưa được bố trí để bảo đảm phản ánh đầy đủ nhu cầu chi ngân sách và tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật.

Để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu chi ngân sách nhà nước 09 tháng cuối năm 2026 cần thực hiện một số giải pháp như sau:

- Đảm bảo cân đối giữa thu và chi ngân sách, có kế hoạch thu hồi các khoản tạm ứng nộp hoàn ngân sách.

- Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ cá nhân, hộ kinh doanh mua bán hoạt động. Khai thác các nguồn thu hợp pháp nhằm tăng thu ngân sách trên địa bàn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, kịp thời xử lý những khoản chi không hiệu quả, không đúng qui định.

- Thực hiện nghiêm túc thực hành tiết kiệm chi, chống lãng phí; kiểm soát chặt chẽ các nguồn chi, không bổ sung các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán đối với các nhiệm vụ chi chưa thật sự cấp bách và cần thiết.

Trên đây là thuyết minh báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách Nhà nước 03 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ thu, chi ngân sách Nhà nước 09 tháng cuối năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Châu Thới.

TM. UBND XÃ CHÂU THỚI
CHỦ TỊCH

Nhan Chí Nguyễn

Nơi nhận:
- UBND Xã (b/c);
- TT HĐND;
- ĐB HĐND;
- Lưu VP.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU THỚI

Mẫu số 113/CKTC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ QUÍ I NĂM 2026

Đơn vị: nghìn đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN QUÍ I	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**150.698.000**	**67.811.113**	45%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	740.000	162.113	22%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ			
3	Thu bổ sung	149.958.000	67.249.000	45%
	- Bổ sung cân đối	126.026.000	46.864.000	37%
	- Bổ sung có mục tiêu	23.932.000	20.385.000	85%
4	Thu chuyển nguồn		400.000	
II	**TỔNG SỐ CHI**	**150.698.000**	**53.783.839**	36%
1	Chi đầu tư phát triển	25.000.000	9.532.493	38%
2	Chi thường xuyên	123.212.000	44.251.346	36%
3	Dự phòng	2.486.000		0%

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU THỚI

Mẫu số 114/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÍ I NĂM 2026

Đơn vị: nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		ƯỚC THỰC HIỆN QUÍ I		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**150.698.000**	**150.698.000**	**67.811.113**	**67.811.113**	**45%**	**45%**
I	**Các khoản thu 100%**	**740.000**	**740.000**	**162.113**	**162.113**	**22%**	**22%**
1	Phí, lệ phí	80.000	80.000	31.856	31.856	40%	40%
2	Lệ phí trước bạ	510.000	510.000	118.701	118.701	23%	23%
3	Các khoản thu về nhà đất	10.000	10.000	477	477	5%	5%
4	Thuế tài nguyên						
5	Thu khác	140.000	140.000	11.079	11.079	8%	8%
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**						
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (Nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**			**400.000**	**400.000**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**						
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**149.958.000**	**149.958.000**	**67.249.000**	**67.249.000**	**45%**	**45%**
	- Thu bổ sung cân đối	126.026.000	126.026.000	46.864.000	46.864.000	37%	37%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	23.932.000	23.932.000	20.385.000	20.385.000	85%	85%

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU THỚI

Mẫu số 115/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÍ I NĂM 2026

Đơn vị: nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÍ I			SO SÁNH (%)		
		TỔNG CỘNG	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG CỘNG	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG CỘNG	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	**150.698.000**	**25.000.000**	**125.698.000**	**53.783.839**	**9.532.493**	**44.251.346**	**36%**	**38%**	**35%**
	Trong đó:	150.698.000	25.000.000	125.698.000	53.783.839	9.532.493	44.251.346	36%	38%	35%
1	Sự nghiệp kinh tế	20.490.000	14.645.000	5.845.000	6.218.007	4.736.636	1.481.371	30%	32%	25%
2	Sự nghiệp môi trường	150.000		150.000	0		0	0%		0%
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	80.411.000	8.006.000	72.405.000	20.496.292	4.060.807	16.435.485	25%	51%	23%
4	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.380.000		2.380.000	1.693.859		1.693.859	71%		71%
5	Chi khoa học và công nghệ	366.000		366.000	17.320		17.320	5%		5%
6	Sự nghiệp văn hóa -thể thao	3.612.000	2.349.000	1.263.000	1.339.226	735.050	604.176	37%	31%	48%
7	Sự nghiệp truyền thanh	100.000		100.000	18.880		18.880	19%		19%
8	Đảm bảo xã hội	7.960.000		7.960.000	13.682.254		13.682.254	172%		172%
9	Chi quản lý hành chính	26.514.000		26.514.000	8.671.577		8.671.577	33%		33%
10	An ninh - quốc phòng	4.543.000		4.543.000	1.381.715		1.381.715	30%		30%
11	Chi khác	1.686.000		1.686.000	264.709		264.709	16%		16%
12	Dự phòng ngân sách	2.486.000		2.486.000	0		0	0%		0%